TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐƠN DƯƠNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16/**2024/HNGĐ - ST
Ngày: 05-6-2024
V/v: "Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Luyện Thanh Sơn**
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Lê Văn Hiển**
2. Ông **Vũ Văn Công**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Minh Tiến** - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên tòa*: Ông **Lê Minh Huy** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Duy T**, sinh năm 1970;
Địa chỉ: đường N, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Bà **Lê Thị X**, sinh năm 1970;
Địa chỉ: đường N, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn đơn khởi kiện ngày 10/3/2024 và quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Duy T trình bày: Ông và bà Lê Thị X đăng ký kết hôn vào năm 1991 tại UBND xã K, huyện L, tỉnh Hoà Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng bắt đầu chung sống với nhau tại xã K, đến năm 1994 thì chuyển vào thôn C, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng sinh sống. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, lối sống, suy nghĩ của mỗi người có nhiều khác biệt, dẫn đến vợ chồng hay xảy ra xích mích, cãi vã nhau, cuộc sống chung căng thẳng, nặng nề. Tháng 8/2020, vợ chồng chuyển đến tạm trú thuê trọ tại đường N, thị trấn T, huyện Đ. Mặc dù, sống chung một nhà nhưng mọi sinh hoạt đều riêng rẽ, không ai quan tâm đến ai. Quá trình chung sống, ông bà đã làm thất lạc giấy chứng nhận kết hôn, ông bà đã liên hệ UBND xã K, huyện L, tỉnh Hoà Bình để xin cấp bản sao.

Tuy nhiên, UBND xã K không còn lưu sổ hộ tịch thời điểm ông bà đăng ký kết hôn nên không có căn cứ để cấp lại bản sao trích lục kết hôn cho ông bà được. Do đó, ông yêu cầu Toà án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Lê Thị X.

Theo bản tự khai và quá trình tố tụng, bị đơn bà Lê Thị X trình bày:

Bà và ông Nguyễn Duy T đăng ký kết hôn vào năm 1991 tại UBND xã K, huyện L, tỉnh Hoà Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với gia đình bên chồng ở xã K. Đến năm 1994, vợ chồng chuyển vào thôn C, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng sinh sống. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình có nhiều khác biệt, không có sự chia sẻ, cảm thông và thiếu tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau. Mặt khác, việc làm ăn không thuận lợi dẫn đến khó khăn về kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc. Tháng 8/2020, vợ chồng chuyển đến tạm trú thuê trọ tại đường N, thị trấn T, huyện Đ. Mặc dù, sống chung nhà nhưng mạnh người nào người ấy sống, không quan tâm đến nhau. Quá trình chung sống thì đã làm thất lạc giấy chứng nhận kết hôn. Do cuộc sống không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên bà đồng ý với yêu cầu của ông T yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà.

Về con chung: Ông T, bà X cùng xác nhận có hai người con chung là anh Nguyễn Duy D, sinh năm 1991, anh Nguyễn Duy Ti, sinh năm 1998. Hiện nay các con đã trưởng thành, đều đã có gia đình riêng, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên không đặt vấn đề giải quyết về con.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Duy T, bà Lê Thị X tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Nguyễn Duy T, bà Lê Thị X xác nhận không có nợ chung.

Tòa án đã tiến hành hòa giải về con chung, tài sản chung. Riêng về quan hệ hôn nhân, do ông T, bà X không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông bà có đăng ký kết hôn. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu Toà án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà X, bị đơn bà X đồng ý vì xác định tình cảm không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc. Cả ông T và bà X đều xác định về con chung đã trưởng thành nên không đặt vấn đề giải quyết. Về tài sản chung, tự thỏa thuận và không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Duy T đối với bị đơn bà Lê Thị X.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Duy T với bà Lê Thị X.

Về con chung: Có hai người con chung là anh Nguyễn Duy D, sinh năm 1991, anh Nguyễn Duy Th, sinh năm 1998. Các con đã trưởng thành nên nên không đặt vấn đề giải quyết.

Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Do không có nợ chung nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*", bị đơn bà X có địa chỉ cư trú tại đường N, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông T, bà X cho rằng ông bà đăng ký kết hôn năm 1991 tại UBND xã K, huyện L, tỉnh Hoà Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng bắt đầu chung sống tại xã K, đến năm 1994 thì chuyển vào thôn C, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng sinh sống. Qúa trình chung sống đã làm thất lạc giấy chứng nhận kết hôn. Tại văn bản số 17/UBND - TP ngày 22/3/2024 của UBND xã K, huyện L, tỉnh Hoà Bình cho biết *"Qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại địa phương (sổ gốc kết hôn, trên hệ thống phần mềm quản lý hộ tịch) thì UBND xã K chỉ còn lưu trữ sổ hộ tịch từ năm 1999 trở lại đây. Do đó, UBND xã K không xác định được có hay không việc đăng ký kết hôn của ông Nguyễn Duy T và bà Lê Thị X năm 1991 tại địa phương"*. Tại văn bản số 27/UBND ngày 25/4/2024 của UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cho biết *"Qua kiểm tra, ra soát trong sổ đăng ký kết hôn và trên hệ thống phần mềm quản lý hộ tịch từ năm 1994 đến nay không có thông tin đăng ký kết hôn của ông Nguyễn Duy T với bà Lê Thị X*". Ông T, bà X không có chứng cứ chứng minh việc đăng ký kết hôn giữa ông bà với nhau. Căn cứ văn bản trả lời của UBND xã K nơi trước đây ông T, bà X có hộ khẩu và chung sống với nhau từ năm 1991 và UBND xã L nơi ông bà đăng ký cư trú và sinh sống từ năm 1994 đến nay thì Hội đồng xét xử có cơ sở xác định giữa ông T và bà X không có đăng ký kết hôn. Các bên đều xác định có nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Ông T yêu cầu Tòa án giải quyết chấm dứt quan hệ vợ chồng giữa ông và bà X, về phía bà X cũng đồng ý. Do ông T và bà X chung sống với nhau từ năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn, đến nay quan hệ tình cảm giữa các bên thực sự không còn. Vì vậy,

Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 9, 14 và 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T với bà X.

[2.2] Về con chung: Ông T, bà X cùng xác nhận có hai người con chung là anh Nguyễn Duy D, sinh năm 1991, anh Nguyễn Duy Th, sinh năm 1998. Hiện nay anh D, anh Th đã trưởng thành, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết về con.

[2.3] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Hai bên không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[3] Về án phí*:* Buộc nguyên đơn ông T phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn bà X không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36; Điều 39; Điều 146, 147, 205, 206, 220, 227, 262, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Duy T đối với bị đơn bà Lê Thị X.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Duy T với bà Lê Thị X.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Duy T phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002440 ngày 18/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương (ông T đã nộp đủ). Bà Lê Thị X không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Luyện Thanh Sơn